

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26/9/2019

(V/v: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn)

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Trung Phước

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Sân; Ông Vàng Văn Hải

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Thị Hóa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Bà: **Tô Đỗ Yến L** - Kiểm sát viên

Ngày 26/9/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 47/2019/TLST - HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2019, về việc Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Giàng A D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

Bị đơn: Chị Ma Thị D, sinh năm 1988.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Bản T, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không rõ lý do).

Người phiên dịch: Anh Lý A N, sinh năm 1991; Nơi công tác: Đoàn thanh niên xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2019, bản tự khai và các Biên bản ghi lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Giàng A D trình bày: Anh và chị Ma Thị D tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán dân tộc Mông vào đầu năm 2004 và sống với nhau như vợ chồng đến ngày 25/3/2013 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Đến đầu tháng 10 năm 2014 chị D tự ý bỏ nhà đi mà không nói với bố con anh, anh đã cùng hai bên gia đình thực hiện việc tìm kiếm chị D nhiều nơi nhưng không có kết quả, anh đã nhắn tin tìm kiếm chị D qua Đài tiếng nói Việt Nam, Báo công lý, Đài truyền hình Việt Nam nhưng không có tin tức gì của chị D, hiện tại anh không biết chị D đang ở đâu, làm gì và còn sống hay đã chết.

Ngày 28/12/2018 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu đã ban hành Quyết định tuyên bố vợ anh là chị Ma Thị D mất tích, hiện nay Quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng anh không có tin tức gì thêm về chị D.

Nay do hoàn cảnh gia đình đông con, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh không thể chờ chị D quay về đoàn tụ được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ma Thị D.

Về con chung: Anh và chị Ma Thị D có 03 con chung gồm Giàng A L, sinh ngày 05/9/2006, hiện là học sinh lớp 6 Trường THCS xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu; Giàng Thị D, sinh ngày 10/9/2008, hiện là học sinh lớp 5 Trường tiểu học xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu; Giàng A P, sinh ngày 20/11/2010, hiện là học sinh lớp 3 Trường tiểu học xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Hiện cả ba con chung đang sinh sống cùng anh, nay ly hôn do chị D đã bị tuyên bố mất tích nên anh có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung cho đến khi cả ba con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Ma Thị D: Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 01/2018/QĐST-VDS ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu thì chị Ma Thị D đã bị Tòa án tuyên bố mất tích kể từ ngày 28/12/2018. Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến thời điểm vụ án được đưa ra xét xử, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, nơi bị đơn cư trú cuối cùng trước khi bị tuyên bố mất tích về thông tin của bị đơn nhưng không có kết quả về việc hiện tại chị D đang làm gì, ở đâu, còn sống hay đã chết, thực hiện các thủ tục niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các thủ tục tố tụng khác. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn không có mặt tham gia tố tụng, HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227/Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cũng như các văn bản pháp lý liên quan.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng Điều 147/BLTTDS năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của UBTWQH. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Về con chung do bị đơn đã bị tuyên bố mất tích nên tiếp tục giao cả ba con chung cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cả ba con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về tài sản chung, cho vay chung do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết, miễn án phí DSST cho nguyên đơn do nguyên đơn là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa phương có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi bị Tòa án tuyên bố mất tích tại bản T, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39/Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu. Bị đơn Ma Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn không có phản tố vắng mặt không rõ lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228/Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A D, chị Ma Thị D có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc Mông từ năm 2004, đến ngày 25/3/2013 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh D tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi tổ chức đám cưới và đến thời điểm đăng ký kết hôn chị D, anh D chung sống với nhau hạnh phúc, tuy nhiên đến đầu tháng 10 năm 2014 chị D tự ý bỏ nhà đi mà không nói với bố con anh D. Trên cơ sở yêu cầu của anh D, căn cứ vào quy định của pháp luật, Tòa án đã ban hành quyết định tuyên bố chị Ma Thị D mất tích kể từ ngày 28/12/2018. Nay anh Giàng A D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Ma Thị D, căn cứ vào khoản 2 Điều 56/Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D để cho anh D được ly hôn với chị D.

[3]. Về nuôi con chung: Anh Giàng A D, chị Ma Thị D có 03 con chung là Giàng A L, sinh ngày 05/9/2006, Giàng Thị D, sinh ngày 10/9/2008, Giàng A P, sinh ngày 20/11/2010. Cả ba con chung hiện đang sinh sống cùng anh D, chị D đã bị tuyên bố mất tích, anh D có nguyện vọng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung, không đề cập vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần chấp nhận. Chị D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án thay đổi người nuôi con sau ly hôn nếu trở về và được Tòa án tuyên bố hủy bỏ Quyết định tuyên bố mất tích.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa phương có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên sẽ được miễn án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83/Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Giàng A D
2. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Giàng A D được ly hôn với bị đơn Ma Thị D.
3. Về nuôi con chung: Giao các con chung Giàng A L, sinh ngày 05/9/2006, Giàng Thị D, sinh ngày 10/9/2008, Giàng A P, sinh ngày 20/11/2010 cho nguyên đơn Giàng A D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Bị đơn Ma Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn nếu trở về và được Tòa án tuyên bố hủy bỏ quyết định tuyên bố mất tích.
4. Về án phí: Nguyên đơn Giàng A D được miễn án phí DSST
5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Toà án Tỉnh.
- VKSND huyện T.
- UBND xã T.
- Thi hành án DS huyện T.
- Người TGTT.
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đoàn Trung Phước